

Số: 82/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 364/TTr-SXD ngày 31 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 565/BC-SXD ngày 29 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 603/BC-SXD ngày 07 tháng 8 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 383/BC-STP ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của

Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 716/BC-VPUB ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nội dung trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, cụ thể:

1. Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) gồm:

a) Công trình dân dụng

- Công trình cấp III trở xuống sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư.

- Công trình cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

- Công trình cải tạo, sửa chữa không làm thay đổi kết cấu chịu lực của công trình.

b) Công trình công nghiệp: Công trình cấp IV đối với mọi nguồn vốn trên địa bàn được giao quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật

- Công trình cấp IV gồm: Công trình chiếu sáng công cộng; nhà để xe ô tô (ngầm và nổi); sân bãi để xe ô tô, xe máy móc, thiết bị; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn quản lý.

- Công trình cấp III trở xuống: Công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình xử lý chất thải rắn; công viên cây xanh; nghĩa trang; cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình, cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

- Công trình cải tạo, sửa chữa không làm thay đổi kết cấu chịu lực của công trình.

d) Công trình giao thông đường bộ

- Công trình giao thông cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban dân nhân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư (trừ các dự án thuộc hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh lộ hoặc hệ thống đường được quy hoạch là quốc lộ, đường tỉnh, công trình đi qua địa phận 02 xã trở lên).

- Công trình giao thông cấp IV do Chủ tịch Ủy ban dân nhân tỉnh quyết định đầu tư (các đường giao thông có bề rộng nền đường $\leq 5\text{m}$).

- Công trình giao thông cấp II trở xuống đối với: cầu vượt dành cho người đi bộ, xe đạp; cầu treo dân sinh (dành cho người đi bộ, gia súc, xe đạp, xe mô tô/gắn máy và xe thô sơ khác; cầu dây văng, một nhịp, nằm trên đường giao thông nông thôn và khổ cầu không lớn hơn 3,5m).

e) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: Công trình cấp III trở xuống sử dụng vốn đầu tư do Chủ tịch Ủy ban dân nhân xã quyết định đầu tư.

- Công trình thủy lợi cấp IV (trừ công trình Hồ chứa nước).

- Hệ thống dẫn chuyển nước cấp IV.

2. Chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn quản lý theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện những nội dung được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp.

b) Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã về những nội dung được phân cấp.

c) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương chủ động, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã về những nội dung được phân cấp.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương phổ biến, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên về công tác kiểm tra công tác nghiệm thu và giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định (định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, đột xuất khi có yêu cầu).

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP theo phân cấp tại Quyết định này.

c) Định kỳ, tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng về thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu và giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý (định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, hoặc đột xuất khi có yêu cầu).

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các công trình xây dựng đã gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra về cơ quan kiểm tra theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thông báo kết quả nghiệm thu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện việc kiểm tra theo quy định; các công trình gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thẩm quyền kiểm tra thực hiện theo Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các hồ sơ đề nghị kiểm tra do UBND cấp huyện chuyển giao. Nếu đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà vẫn chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng sau đó phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và thay thế Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về phân cấp một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 6. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 6;
- Văn phòng, các Ban Đảng tỉnh ủy;
- Văn phòng, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; CVCK);
- Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT. Giang58b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC

Danh mục công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra công tác nghiệm thu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Loại công trình	Tiêu chí	Công trình
A. CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG			
I	Nhà ở		
1	Nhà chung cư.	Số tầng	≤ 2
2	Nhà ở tập thể, ký túc xá.	Số tầng	≤ 2
II	Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu		
1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.	Số tầng	≤ 2
2	Trường đại học, trường cao đẳng; Trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ.	Số tầng	≤ 2
III	Công trình y tế		
1	Bệnh viện, phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa); trạm y tế; trung tâm y tế; nhà hộ sinh, điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão; cơ sở phòng chống dịch bệnh; cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế; các cơ sở y tế khác.	Số tầng	≤ 2
IV	Công trình thể thao		
1	Sân vận động, sân thi đấu các môn thể thao ngoài trời có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	≤ 5
2	Nhà thi đấu, tập luyện các môn thể thao có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	≤ 2
V	Công trình văn hóa		
1	Trung tâm hội nghị, trung tâm văn hóa, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật (tượng đài ngoài trời), công trình vui chơi, giải trí; các công trình văn hóa khác.	Tổng sức chứa (nghìn người)	$\leq 0,3$

TT	Loại công trình	Tiêu chí	Công trình
2	Pa nô, biển quảng cáo độc lập, cổng chào.	Chiều cao (m)	≤ 18
VI	Công trình tôn giáo, tín ngưỡng		
1	Công trình tôn giáo		
1.1	Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường; trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo;	Số tầng	02
1.2	Tượng đài, bia, tháp và các công trình tôn giáo khác.	Chiều cao (m)	≤ 18
2	Công trình tín ngưỡng: Đình, đền, am, miếu, từ đường (nhà thờ họ) và các công trình tín ngưỡng khác.	Số tầng	02
VII	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc		
1	Chợ	Số tầng	≤ 2
2	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú, căn hộ lưu trú và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác	Số tầng	≤ 2
3	Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị.	Số tầng	≤ 2
4	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.	Số tầng	≤ 2
5	Trung tâm thương mại, siêu thị.	Số tầng	≤ 2
6	Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác.	Số tầng	≤ 2
B. CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
1	Công trình cấp nước		
1.1	Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch (bao gồm cả công trình xử lý bùn cặn)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5
1.2	Trạm bơm nước thô, nước sạch hoặc tăng áp (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 6
2	Công trình thoát nước		
2.1	Hồ điều hòa	Diện tích (ha)	< 8
2.2	Trạm bơm nước mưa (bao gồm bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /s)	< 5
2.3	Công trình xử lý nước thải	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5

TT	Loại công trình	Tiêu chí	Công trình
2.4	Trạm bơm nước thải (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /h)	< 300
2.5	Công trình xử lý bùn	TCS (m ³ /ngày đêm)	< 100
3	Công trình xử lý chất thải rắn (CTR)		
3.1	Cơ sở xử lý CTR	TCS (tấn/ngày đêm)	< 30
3.2	Cơ sở xử lý CTR nguy hại	TCS (tấn/ngày đêm)	< 10
4	Công viên cây xanh	Diện tích (ha)	< 10
5	Nghĩa trang	Diện tích (ha)	< 20
6	Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...	Chiều cao của kết cấu (m)	< 50
7	Đường ống/cống		
7.1	Đường ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch)	Đường kính trong của ống (mm)	<200
7.2	Cống thoát nước mưa, cống chung	Đường kính trong của ống (mm)	<1000
7.3	Cống thoát nước thải	Đường kính trong của ống (mm)	<400